

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG LAI CHÂU
CHI CỤC PTNT VÀ QLCL NÔNG
LÂM SẢN, THỦY SẢN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 04 /BB-TĐ

Lai Châu, ngày 23 tháng 7 năm 2026



BIÊN BẢN THẨM ĐỊNH
ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM AN TOÀN THỰC PHẨM
CƠ SỞ THU GOM, SƠ CHẾ, CHẾ BIẾN THỰC PHẨM NÔNG, LÂM, THỦY SẢN

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Tên cơ sở: Đào Văn Quý
2. Địa chỉ: Bản Nùng Gông - Xã Tân Uyên - Huyện Lai Châu
3. Số điện thoại: 0962 291 800
4. Mã số đăng ký kinh doanh: 23E 8000 169
5. Mặt hàng thu gom, sơ chế, chế biến: Giò, chả giò thịt lợn

6. Ngày thẩm định: 23/7/2026

7. Thành phần Đoàn thẩm định:

- Ông: Triệu Đình Sánh; Phó chi cục trưởng Chi cục PTNT và QLCL Nông lâm sản, Thủy sản - Trưởng đoàn;
- Ông: Nguyễn Ngọc Dũng; Chuyên viên Phòng QLCL Chi cục PTNT và QLCL Nông lâm sản, Thủy sản - Thành viên;
- Ông: Nguyễn Xuân Sơn; Chuyên viên Phòng QLCL Chi cục PTNT và QLCL Nông lâm sản, Thủy sản - Thành viên;
- Bà: Nguyễn Thị Thiết; Chuyên viên Phòng chăn nuôi thủy sản Chi cục chăn nuôi và Thú y - Thành viên;
- Ông: Lò Duy Tùng; Chuyên viên Trạm Kiểm dịch thực vật nội địa Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật - Thành viên.

- Đại diện phòng kinh tế/kinh tế hạ tầng và đô thị xã, phường:

8. Đại diện cơ sở: Đào Văn Quý - Chủ Cơ Sở

- Ông: Đào Văn Quý

II. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH HỒ SƠ HÀNH CHÍNH, PHÁP LÝ CỦA CƠ SỞ

1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận có pháp lý tương đương (có/không):

Số: 23E 8000 169 Ngày cấp: Lai Châu 4/8/2017

2. Xác nhận đã được tập huấn kiến thức về an toàn vệ sinh thực phẩm của chủ cơ sở và của người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm:

☒ Đáp ứng quy định

☐ Không đáp ứng quy định, lý do:

Quý

3. Xác nhận đủ sức khỏe của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp

☒ Đáp ứng quy định

☐ Không đáp ứng quy định, lý do:

III. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM AN TOÀN THỰC PHẨM:

Nhóm chỉ tiêu	Điều khoản tham chiếu	Nhóm chỉ tiêu đánh giá	Kết quả đánh giá		Diễn giải điểm chưa phù hợp và thời hạn khắc phục
			Đạt	Không đạt	
1	Luật ATTP: Điều 19, Khoản 1, Điểm a; Điều 20, Khoản 1, Điểm a; QCKT tương ứng (nếu có);	Địa điểm sản xuất (có địa điểm thích hợp, có khoảng cách an toàn với các nguồn gây độc hại, gây ô nhiễm và các yếu tố gây hại khác cho thực phẩm;...)	✓		
2	Luật ATTP: Điều 19, Khoản 1, Điểm a; Điều 25, Khoản 2; QCKT tương ứng (nếu có);	Kết cấu nhà xưởng, bố trí sản xuất (đủ diện tích, dễ làm vệ sinh, không gây ô nhiễm cho sản phẩm; không có hiện tượng ngưng tụ hơi nước; các công đoạn sơ chế, chế biến được bố trí theo nguyên tắc 1 chiều, tránh gây ô nhiễm chéo...)	✓		
3	Luật ATTP: Điều 19, Khoản 1, Điểm c; QCKT tương ứng (nếu có);	Trang thiết bị sản xuất (phù hợp để sơ chế, chế biến, đóng gói, bảo quản, vận chuyển sản phẩm; trang thiết bị trực tiếp tiếp xúc với sản phẩm: không thấm nước, không gây độc cho sản phẩm, dễ làm vệ sinh...).	✓		
4	Luật ATTP: Điều 19, Khoản 1, Điểm c, d; QCKT tương ứng (nếu có);	Vệ sinh nhà xưởng, trang thiết bị (sử dụng chất tẩy rửa nằm trong danh mục được phép sử dụng; dụng cụ làm vệ sinh, bảo trì, bảo dưỡng, có quy trình và thực hiện đúng quy trình vệ sinh nhà xưởng...)	✓		
5	Luật ATTP: Điều 19, Khoản 1, Điểm e; QCKT tương ứng (nếu có);	Người trực tiếp sản xuất, vệ sinh công nhân (người trực tiếp sản xuất được khám sức khỏe định kỳ đầy đủ; có kiến thức về ATTP; có khu vực thay bảo hộ lao động; có đủ nhà vệ sinh ở vị trí thích hợp; đủ trang thiết bị làm vệ sinh công nhân; có quy định và thực hiện đúng quy định vệ sinh công nhân...)	✓		
6	Luật ATTP: Điều 10, Khoản 1; Khoản 2, Điểm a; Điều 19, Khoản 1, Điểm b; QCKT tương ứng (nếu có);	Nguyên liệu và các yếu tố đầu vào sản xuất thực phẩm (nước, nước đá đáp ứng quy định về nước ăn uống; phụ gia, chất bảo quản, chất hỗ trợ chế biến trong danh mục được phép sử dụng, bảo quản và sử dụng theo đúng quy định; nguyên liệu đáp ứng yêu cầu để sản xuất thực phẩm...)	✓		
7	Luật ATTP: Điều 19, Khoản 1, Điểm c; Điều 20, Khoản 1, Điểm b; QCKT tương ứng (nếu có);	Phòng, chống động vật gây hại và xử lý chất thải, nước thải (có trang thiết bị và thực hiện phòng chống động vật gây hại; có biện pháp xử lý nước thải, nước thải đáp ứng quy định trước khi xả ra môi trường; có dụng cụ/ biện pháp thu gom, xử lý chất thải rắn...)	✓		
8	Luật ATTP: Điều 18; Điều 10, Khoản 2, Điểm b, c Điều 19, Khoản 1, Điểm c, d Điều 20, Khoản 1, Điểm a, c; Điều 21 QCKT tương ứng (nếu có);	Bao gói, ghi nhãn, bảo quản, vận chuyển (vật liệu bao gói không gây ô nhiễm cho sản phẩm; Ghi nhãn đầy đủ thông tin, đúng quy định; có nơi bảo quản, phương tiện bảo quản, vận chuyển phù hợp với từng loại sản phẩm, bảo đảm điều kiện vận chuyển, được sắp xếp hợp lý và vệ sinh sạch sẽ; ...)			Có 'So' không sử dụng bao bì
9	Luật ATTP: Điều 19, Khoản 1, Điểm d; QCKT tương ứng (nếu có);	Điều kiện bảo đảm ATTP và QLCL (duy trì điều kiện bảo đảm ATTP; có thực hành sản xuất tốt (GMP), thực hành vệ sinh tốt (SOP); khuyến khích cơ sở áp dụng các chương trình QLCL tiên tiến theo HACCP, ISO 22000)	✓		
10	Luật ATTP: Điều 11, Khoản 2; Điều 19, Khoản 1, Điểm d; QCKT tương ứng (nếu có);	Ghi chép và truy xuất nguồn gốc (ghi chép việc tiếp nhận và sử dụng nguyên liệu, vật tư đầu vào của quá trình sản xuất; việc ghi chép các biểu giám sát thực hiện GMP, SOP; biện pháp khắc phục các điểm chưa phù hợp; các ghi chép nhằm truy xuất nguồn gốc sản phẩm...)	✓		
Tổng số nhóm chỉ tiêu được đánh giá: 10/10 nhóm chỉ tiêu			10		

IV. NHÓM CHỈ TIÊU KHÔNG ĐÁNH GIÁ VÀ LÝ DO:

Nhóm chỉ tiêu 08. Không đánh giá về Cơ sở. Không sử dụng bao bì.

V. LẤY MẪU (nếu có):

1. Thông tin về mẫu lấy (loại mẫu; số lượng mẫu; tình trạng bao gói, bảo quản mẫu...),

2. Chỉ định chỉ tiêu phân tích:

(Kèm theo Biên bản lấy mẫu):

VI. Ý KIẾN CỦA ĐOÀN THẨM ĐỊNH:

1. Nhận xét về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm của cơ sở được thẩm định:

Tại thời điểm thẩm định, Cơ sở đạt 10/10 nhóm chỉ tiêu đánh giá. Để phù hợp Cơ sở tiếp tục thực hiện, nghiêm chỉnh chấp hành của pháp luật TCVN 8636:2011, Chế biến thực phẩm.

2. Đề xuất phân loại cơ sở:

- Đạt ☒

- Không đạt ☐ (Có thể/Không thể khắc phục các điểm không phù hợp trong thời hạn phải cấp giấy chứng nhận ATTP)

3. Nội dung cần khắc phục, thời hạn khắc phục, báo cáo khắc phục:

VII. Ý KIẾN CỦA ĐẠI DIỆN CƠ SỞ:

Đồng ý và chấp hành.

Biên bản được lập thành 02 bản, có giá trị như nhau. Giao cơ sở 01 bản, đoàn thẩm định 01 bản lưu tại hồ sơ thẩm định.

Lai Châu, ngày 23 tháng 7 năm 2026
ĐẠI DIỆN CƠ SỞ ĐƯỢC THẨM ĐỊNH
(Ký tên, đóng dấu)

Chị
Đào Văn Chanh

Lai Châu, ngày 23 tháng 7 năm 2026
TRƯỞNG ĐOÀN THẨM ĐỊNH
(Ký tên)

Triệu Đình Sản

VIII. THẨM TRA BÁO CÁO KHẮC PHỤC (áp dụng đối với trường hợp nội dung cần khắc phục có thể khắc phục trong thời hạn phải cấp Giấy chứng nhận ATTP)

1. Tên cơ sở:
2. Mã số đăng ký kinh doanh:
3. Ngày thẩm định
4. Thông tin Báo cáo khắc phục :
 - Số văn bản, ngày:
 - Ngày nhận được báo cáo:
5. Đánh giá báo cáo khắc phục

Nhóm chỉ tiêu	Điểm chưa phù hợp tại Biên bản thẩm định ngày	Biện pháp khắc phục của cơ sở	Đánh giá của Đoàn thẩm định

6. Nhận xét về điều kiện bảo đảm ATTP của cơ sở sau khi thực hiện báo cáo hành động khắc phục (Đạt/Không đạt):

Lai Châu, ngày tháng năm 2026
TRƯỞNG ĐOÀN THẨM ĐỊNH
 (Ký tên)



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH LAI CHÂU
CHI CỤC CHĂN NUÔI VÀ THÚ Y

GIẤY CHỨNG NHẬN AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT

CHỨNG NHẬN

Cơ sở: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP LAI CHÂU.

(Chăn nuôi lợn thương phẩm)

Địa chỉ: Bản Liên Hợp, xã Pắc Ta, tỉnh Lai Châu

Được chứng nhận an toàn dịch bệnh đối với bệnh: LỞ MÒM LONG MÓNG, DỊCH TẢ LỢN CỔ ĐIỂN, DỊCH TẢ LỢN CHÂU PHI.

Số: 01 /QĐ-TY-ATDB

Lai Châu, ngày 06 tháng 8 năm 2025

**Giấy chứng nhận này có giá trị
đến ngày 06/8/2030**

CHI CỤC TRƯỞNG



Phạm Anh Hùng

* Kêur theo phươt Xươt/Kho số' 94/18
Ngày 30/8/2025 = 4 Heo Nait.
+ số' 95/18 = 1 Xóc

Ký hiệu (Serial): 1C24TNN
Số (No.): 81

Ngày (date) 30 tháng (month) 04 năm (year) 2024

Mã số thuế (Tax code): 6200089359

Điện thoại (Tel): 0973606186

Fax:**Website:**

Số tài khoản (Account No.): 36210003986666 Ngân hàng (Bank): Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Lai Châu

Họ tên người mua hàng (*Customer's name*): Đào Văn Quỳnh

Tên đơn vị (Company's name): Đào Văn Quỳnh

Mã số thuế (Tax code): 6200077554

Địa chỉ (Address): Bản Nà Khiết, xã Mường Cang, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu

Số tài khoản (Account No.):

Ngân hàng (Bank):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Ghi chú (Note):

Số tiền viết bằng chữ (*Amount in words*): Hai triệu một trăm nghìn bốn trăm hai mươi đồng

Người bán hàng (Seller)
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Sign, full name)

Signature valid

Ký bởi CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP LAI CHÂU
Ký ngày 30/04/2024

Mã của cơ quan thuế: 000E68A019541E44779A9E5FBBA5BAC514

Đơn vị cung cấp dịch vụ Hòa đơn điện tử: Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel), MST: 0100109106
Tra cứu hóa đơn điện tử tại Website: <https://vinvoice.viettel.vn/utilities/invoice-search>. Mã số bí mật: QLNBJOBP27NEFZ



Trung tâm FiveLab
Công ty Cổ phần Thuốc Thú y TW5

BM07/PTN-QT-Z004

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 03 tháng 9 năm 2025

Số phiếu
25PCR08729

PHIẾU TRẢ LỜI KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM



Kính gửi: Công ty Cổ phần Nông nghiệp Lai Châu

I. Thông tin chung:

- Loài vật được lấy (*): Lợn
- Số lượng mẫu: 01
- Loại bệnh phẩm: Phù tạng (Lách)
- Ngày lấy mẫu (*): 01.09.2025
- Nơi gửi mẫu: Anh Lợi - Công ty Cổ phần Nông nghiệp Lai Châu
- Nơi lấy mẫu (*): Anh Lợi - Công ty Cổ phần Nông nghiệp Lai Châu
- Tình trạng mẫu: Đạt yêu cầu xét nghiệm.

Ngày nhận mẫu: 01.09.2025

II. Chỉ tiêu và phương pháp xét nghiệm:

- Phương pháp xét nghiệm: Phát hiện virus gây bệnh Dịch tả lợn Châu Phi (ASF) bằng phương pháp realtime PCR
- Ngày xét nghiệm: 01.09.2025

III. Kết quả xét nghiệm:

KẾT QUẢ

STT	Mẫu xét nghiệm	Chỉ tiêu xét nghiệm	Mã số phương pháp	Số lượng mẫu	Kết quả
1	Phù tạng (Lách)	Realtime PCR-ASF	VX/PTN-QT-R003(**)	01	Âm tính

(*): Theo thông tin khách hàng cung cấp.

(**): Các phép thử được công nhận phù hợp ISO/IEC 17025.

(Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu khách hàng gửi)

Trưởng phòng CDXN

Lê Thị Vân



Lê Việt Thắng

* Kèm theo phiếu xuất kho ngày 07/9/25. Tỷ lệ 07/09/25

1. Không được sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung này khi chưa được sự đồng ý của FiveLab
2. Kính đề nghị Quý khách hàng khai báo các bệnh thuộc danh mục Bệnh phải khai báo khi phát hiện có dịch bệnh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mường Cang, ngày 05 tháng 09 năm 2024

BẢN CAM KẾT

Sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản an toàn

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã Mường Cang

Tôi là: **Đào Văn Quỳnh**

Số căn cước công dân : 015086006845 Ngày cấp: 09/05/2021 Nơi cấp: Cục trưởng cục cảnh sát QLHC về trật tự xã hội.

Chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh: Đào Văn Quỳnh

Địa điểm sản xuất, kinh doanh: Bản Nà Khiết, xã Mường Cang, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu.

Địa chỉ liên hệ: Bản Nà Khiết, xã Mường Cang, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu

Điện thoại: 0962291500, Fax: E-mail

Mặt hàng sản xuất, kinh doanh: Bán lẻ thịt và các sản phẩm từ thịt, buôn bán, bán lẻ rau, quả, bán buôn, bán lẻ thủy sản

Nơi tiêu thụ sản phẩm: Tại gia đình và cung cấp cho các trường học.

Tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật hiện hành trong:

Trồng trọt ☐

Chăn nuôi ☐

Nuôi trồng thủy sản ☐

Khai thác, sản xuất muối ☐

Thu hái, đánh bắt, khai thác nông lâm thủy sản ☐

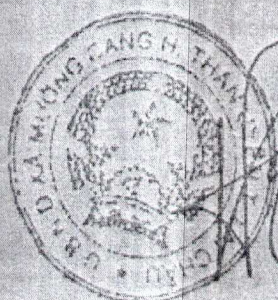
Kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản nhỏ lẻ, kinh doanh thực phẩm bao gói sẵn ☒

Nếu có vi phạm, chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Bản cam kết này được làm thành 02 bản có giá trị như nhau, cơ quan quản lý giữ 01 bản, cơ sở giữ 01 bản.

Xác nhận UBND xã Mường Cang

Chủ cơ sở sản xuất



KÝ CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đào Văn Quỳnh